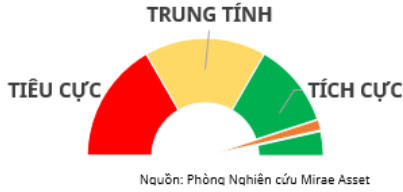


16 Tháng 03, 2023

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,047.40	-1.4	-1.0	-28.2
HNX	204.19	-1.4	-3.2	-54.2
UPCOM	76.02	-0.8	-4.6	-34.5
MSCI EM	946.87	0.2	-6.4	-12.4
NIKKEI	27,010.61	-0.8	-2.5	4.8
HANG SENG	19,203.91	-1.7	-8.5	-4.4
KOSPI	2,377.91	-0.1	-3.9	-10.6
FTSE	7,414.87	1.0	-7.5	1.7
S&P 500	3,891.93	-0.7	-4.9	-10.7
NASDAQ	11,434.05	0.1	-3.6	-14.9

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	13.8	1.7	14.0
Indonesia	14.6	1.9	13.5
Philippines	14.8	1.6	10.9
Malaysia	14.3	1.3	10.4
Thái Lan	19.0	1.6	8.4

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	6.0	0	0	200
TPCP 5 năm	3.6	-16	-17	196
TPCP 10 năm	3.9	-20	-30	157

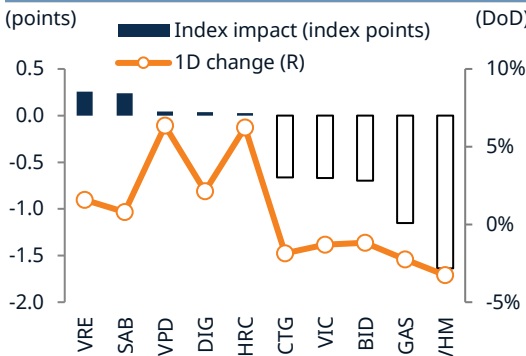
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,577	0.0	-0.3	3.1
US\$/KRW	1,312.9	0.7	2.2	7.3
US\$/JPY	132.9	-0.4	-0.8	11.9
US\$/EUR	0.94	-0.4	0.5	3.9
US\$/GBP	0.83	-0.3	-0.8	8.7
US\$/SGD	1.35	-0.4	0.7	-0.9

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	382	334	410
HNX	47	41	42
UPCOM	15	15	17

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

VN-Index đảo chiều bất ngờ

Tưởng chừng như lực cầu mạnh và dòng tiền tham gia đầu tư vào thị trường sẽ tiếp tục được duy trì ở phiên ngày hôm nay, thế nhưng đón nhận tin tức tiêu cực từ thị trường thế giới đã khiến cho VN-Index một lần nữa chịu áp lực bán tháo của nhà đầu tư và chìm trong sắc đỏ xuyên suốt thời gian giao dịch của mình. Đóng cửa phiên, VN-Index giảm 14,8 điểm tương ứng 1,4% và đang ở mốc 1,047 điểm. Thanh khoản khớp lệnh có phần giảm nhẹ khi chỉ có hơn 464 triệu đơn vị tương ứng hơn 7,993 tỷ về giá trị.

Nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn VN30 nhìn chung có diễn biến giảm mạnh hơn khi mà có 27 mã giảm trong tổng số 30 tỷ. Trong đó, MBB, HPG, GAS, VIB, GVR, giảm từ 2% đến 2,3%, còn BVH, MWG, FPT, ACB, TCB, VPB, NVL, POW, CTG mất từ 1,4% đến 1,9%. Ngoài ra, nhóm chứng khoán cũng ghi nhận bị bán mạnh với nhiều mã giảm như BVS (-4%), PSI (-3.6%) và MBS (-3,5%)

Khối ngoại có phiên mua ròng nhẹ trên cả 2 sàn HNX và HSX với tổng giá trị đạt hơn 87 tỷ đồng. Đứng đầu chiều mua ròng có HSG và VRE với giá trị lần lượt 73 tỷ và 52 tỷ. Ngược lại, STB và MSN bị bán ròng lần lượt 75 tỷ và 17 tỷ.

Giảm điểm mạnh đã khiến cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index giảm từ mức +7 điểm xuống mức +6 điểm và vẫn duy trì trạng thái là KHẢ QUAN. Hệ số P/E của VN-Index đạt 13,8x.

Trương Hoàng Tiến Hưng Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	6	KHẢ QUAN
VN30	6	KHẢ QUAN
VN30F1M	6	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-5	TIÊU CỰC
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-7	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-4	TIÊU CỰC
Dow Jones	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

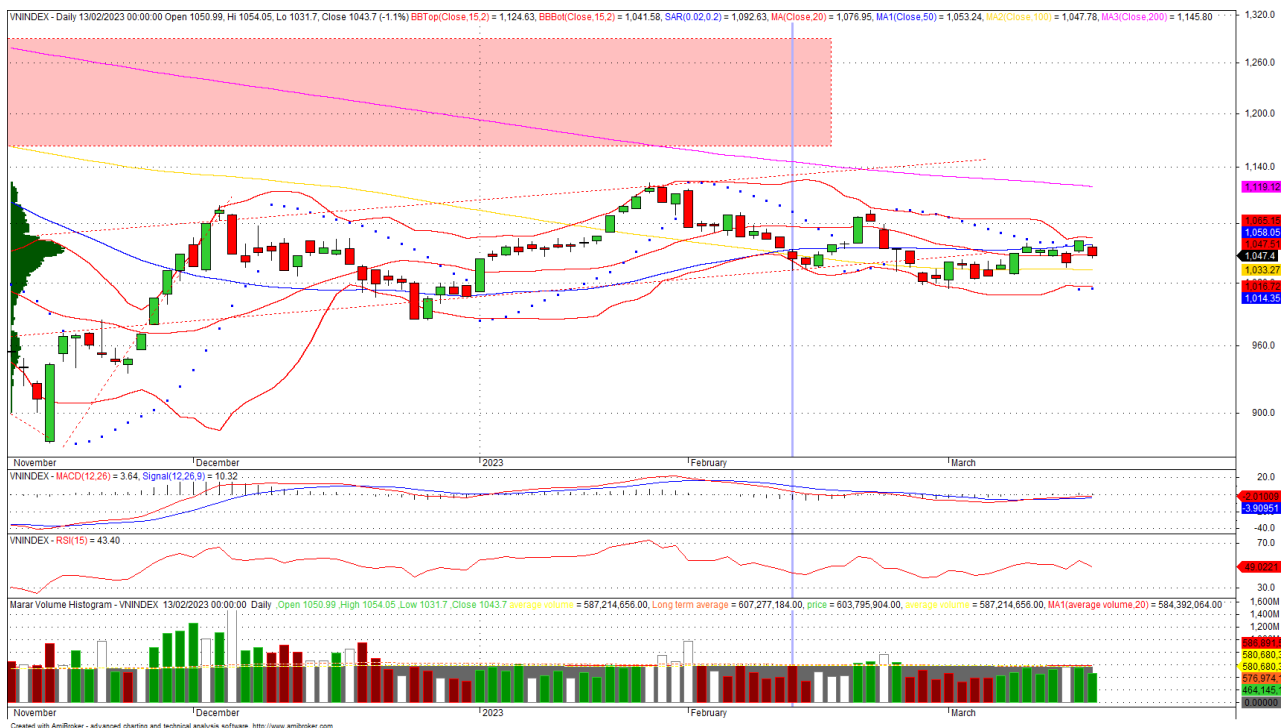
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	6	KHẢ QUAN
VN30	6	KHẢ QUAN
VN30F1M	6	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật của Mirae Asset, tương ứng các mức: TIỂU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (16/03/2023)	Kháng cự 1	1.080
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.100
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.020
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.000

VN-Index vẫn giữ được ngưỡng hỗ trợ quanh vùng MA20 ngày

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (16/03/2023)	1.043	Kháng cự 1 1.053
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2 1.080
VN30 - đóng cửa	1.046	Hỗ trợ 1 1.038
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-3.9	Hỗ trợ 2 1,028

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	7	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	6	KHẢ QUAN
VN30F1M	7	KHẢ QUAN

VN30F1M đang cho thấy kiểm định ngưỡng kháng cự tại 1053 không thành công và có xu hướng về vùng hỗ trợ lại 1.038

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
VPB	Ngân hàng	19,450	15,879,345	100	4	
VCI	Chứng khoán	29,100	5,091,435	99	6	Top sức mạnh ngành

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
SAB	191	136,060	7	KHẢ QUAN	122,485	23.9	5.3	26
CTS	13.9	1,136,665	7	KHẢ QUAN	2,067	28.4	1.1	16
SSI	20.15	15,115,675	6	KHẢ QUAN	30,208	13.8	1.3	305
VND	14.8	18,008,700	6	KHẢ QUAN	18,024	14.8	1.2	267
LPB	14.85	10,549,850	6	KHẢ QUAN	25,677	5.0	1.1	157
VCI	29.1	5,091,435	6	KHẢ QUAN	12,673	14.5	2.0	148
MBB	17.45	7,426,695	6	KHẢ QUAN	79,118	4.5	1.0	130
SHS	8.7	11,166,845	6	KHẢ QUAN	7,074	36.0	0.7	97
VRE	28.95	2,583,205	6	KHẢ QUAN	65,784	23.7	2.0	75
GVR	14.85	1,724,640	6	KHẢ QUAN	59,400	15.5	1.2	26
VPB	19.45	15,879,345	4	KHẢ QUAN	130,572	7.1	1.3	309
NVL	11.15	14,203,850	4	KHẢ QUAN	21,744	9.6	0.6	158
CEO	20.6	6,906,265	4	KHẢ QUAN	5,301	19.0	1.6	142
POW	13.25	10,127,195	4	KHẢ QUAN	31,030	15.0	1.0	134
VHM	44.5	2,692,600	4	KHẢ QUAN	193,769	6.8	1.3	120
TPB	24.65	4,793,490	4	KHẢ QUAN	38,990	6.2	1.2	118
SHB	10.1	10,384,040	4	KHẢ QUAN	30,976	4.0	0.7	105
GEX	12.1	8,437,265	4	KHẢ QUAN	10,303	27.1	0.9	102
DGC	52	1,531,420	4	KHẢ QUAN	19,748	3.7	1.9	80
MSN	83.8	926,690	4	KHẢ QUAN	119,308	33.3	4.6	78
VIC	53.3	1,441,160	4	KHẢ QUAN	203,283	23.7	1.8	77
CTG	28.95	2,558,695	4	KHẢ QUAN	139,126	8.2	1.3	74
KDC	55.3	1,300,925	4	KHẢ QUAN	14,224	38.5	2.1	72
PDR	12.2	5,252,515	4	KHẢ QUAN	8,194	7.0	1.0	64
VIX	7	7,337,435	4	KHẢ QUAN	4,075	9.5	0.5	51
CII	14	2,642,420	4	KHẢ QUAN	3,531	4.7	0.7	37
KDH	26.25	1,304,040	4	KHẢ QUAN	18,817	18.2	1.6	34
VPI	52.4	594,085	4	KHẢ QUAN	12,681	25.2	3.7	31
VJC	102	303,660	4	KHẢ QUAN	55,244	#N/A N/A	3.9	31
MBS	13.7	1,907,605	4	KHẢ QUAN	5,341	9.9	1.2	26
FTS	20.7	1,167,620	4	KHẢ QUAN	4,038	12.4	1.2	24
PNJ	80.5	297,745	4	KHẢ QUAN	26,404	13.3	3.1	24

ORS	9.64	1,875,790	4	KHẢ QUAN	1,928	12.9	0.8	18
HVN	13.1	1,337,045	4	KHẢ QUAN	29,009	#N/A N/A	#N/A N/A	18
DXG	11.45	14,219,630	3	TRUNG TÍNH	6,985	44.9	0.8	163
KBC	22.2	3,005,050	2	TRUNG TÍNH	17,041	11.0	1.1	67
MWG	39.4	1,595,790	2	TRUNG TÍNH	57,657	13.9	2.4	63
EIB	20.05	3,093,915	2	TRUNG TÍNH	29,580	10.0	1.4	62
DCM	23.4	2,625,265	2	TRUNG TÍNH	12,388	3.0	1.2	61
FPT	79.2	769,700	2	TRUNG TÍNH	86,885	16.3	4.1	61
GMD	50.5	483,005	2	TRUNG TÍNH	15,220	16.6	2.2	24
SZC	27.15	804,050	2	TRUNG TÍNH	2,715	15.5	1.8	22
VHC	55.8	333,840	2	TRUNG TÍNH	10,232	5.1	1.4	19
HPG	20.85	21,876,516	0	TRUNG TÍNH	121,238	14.3	1.3	456
NKG	15.75	12,863,590	0	TRUNG TÍNH	4,147	#N/A N/A	0.8	203
LCG	12.4	11,610,725	0	TRUNG TÍNH	2,352	11.9	0.9	144
IDC	38.4	3,098,910	0	TRUNG TÍNH	12,672	5.6	2.4	119
VNM	76.4	1,355,195	0	TRUNG TÍNH	159,673	21.0	5.3	104
HHV	13.05	7,745,010	0	TRUNG TÍNH	4,017	12.7	0.6	101
KSB	25.1	2,571,115	0	TRUNG TÍNH	1,915	14.6	1.0	65
VIB	20.9	2,845,770	0	TRUNG TÍNH	44,050	5.2	1.3	59
PVT	20.45	2,349,960	0	TRUNG TÍNH	6,619	7.9	1.1	48
HDB	17.85	2,110,165	0	TRUNG TÍNH	44,897	5.8	1.2	38
HAH	33.1	1,116,120	0	TRUNG TÍNH	2,328	3.2	1.0	37
IDI	11.2	3,156,280	0	TRUNG TÍNH	2,550	4.7	0.8	35
HUT	15.3	1,755,955	0	TRUNG TÍNH	5,334	36.9	1.4	27
DBC	13.4	1,921,550	0	TRUNG TÍNH	3,243	21.6	0.7	26
PAN	16.15	1,371,265	0	TRUNG TÍNH	3,374	9.3	0.8	22
HDG	29.6	662,655	0	TRUNG TÍNH	7,240	6.4	1.3	20
STB	24.6	18,443,720	-2	TRUNG TÍNH	46,376	9.2	1.2	454
HSG	16.1	20,284,344	-2	TRUNG TÍNH	9,629	#N/A N/A	0.9	327
PVS	25.2	6,874,055	-2	TRUNG TÍNH	12,045	16.8	1.0	173
HCM	23.95	6,167,680	-2	TRUNG TÍNH	10,950	12.8	1.4	148
DIG	12	11,053,265	-2	TRUNG TÍNH	7,318	48.0	1.0	133
VCG	19.9	6,414,620	-2	TRUNG TÍNH	9,669	7.6	1.4	128
BSR	15.6	7,637,205	-2	TRUNG TÍNH	48,368	3.3	0.9	119
ACB	24.4	3,432,715	-2	TRUNG TÍNH	82,409	6.0	1.4	84
TCB	26.75	2,402,510	-2	TRUNG TÍNH	94,086	4.7	0.8	64
PC1	27.8	2,108,815	-2	TRUNG TÍNH	7,518	16.7	1.5	59
HAG	7.39	7,627,955	-2	TRUNG TÍNH	6,853	5.9	1.4	56
SCR	6.49	8,153,870	-2	TRUNG TÍNH	2,568	51.2	0.5	53
FRT	70	749,135	-2	TRUNG TÍNH	8,293	21.2	4.1	52
IJC	12.55	4,138,480	-2	TRUNG TÍNH	3,160	6.6	0.8	52
BID	46.25	1,003,205	-2	TRUNG TÍNH	233,957	12.9	2.4	46
TCH	7.05	4,843,485	-2	TRUNG TÍNH	4,711	26.4	0.6	34
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	31
AAA	9	3,379,185	-2	TRUNG TÍNH	3,440	18.6	0.6	30
SBT	14.35	2,115,980	-2	TRUNG TÍNH	9,660	14.9	1.1	30
PLC	32.4	932,785	-2	TRUNG TÍNH	2,618	19.6	2.1	30
FCN	11.1	2,124,855	-2	TRUNG TÍNH	1,748	44.5	0.7	24

CTF	34.5	580,935	-2	TRUNG TÍNH	2,623	24.4	2.9	20
GAS	104.6	187,300	-2	TRUNG TÍNH	200,199	13.6	3.3	20
PHR	39.8	478,310	-2	TRUNG TÍNH	5,393	6.1	1.6	19
DPG	27.4	665,975	-2	TRUNG TÍNH	1,726	4.4	1.0	18
VGC	33.05	514,575	-2	TRUNG TÍNH	14,818	8.6	1.9	17
PVD	20.6	4,692,375	-4	TIÊU CỰC	11,451	#N/A N/A	0.8	97
VCB	91	827,425	-4	TIÊU CỰC	430,659	14.4	3.1	75
HQC	3.51	15,960,955	-4	TIÊU CỰC	1,673	92.6	0.4	56
TNG	18	2,760,175	-4	TIÊU CỰC	1,892	6.4	1.2	50
ANV	30.55	1,414,150	-4	TIÊU CỰC	4,067	5.8	1.3	43
PVC	14.7	2,340,510	-4	TIÊU CỰC	735	83.5	1.0	34
NLG	24.25	1,136,610	-4	TIÊU CỰC	9,314	19.0	1.0	28
HDC	30.35	855,800	-4	TIÊU CỰC	3,280	8.1	1.8	26
NT2	29	712,320	-4	TIÊU CỰC	8,348	9.7	1.8	21
HT1	14.8	1,354,345	-4	TIÊU CỰC	5,648	21.6	1.1	20
TCM	49.1	376,075	-4	TIÊU CỰC	4,024	16.9	2.0	18
ASM	8.22	2,187,735	-4	TIÊU CỰC	2,766	4.4	0.6	18
PLX	36.35	715,250	-5	TIÊU CỰC	46,186	31.4	1.9	26
DGW	34.7	946,065	-6	TIÊU CỰC	5,798	8.2	2.4	33

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

JPMorgan Chase: Fed sẽ cung cấp 2.000 tỷ USD thanh khoản cho hệ thống ngân hàng Mỹ

Theo nhận định của ngân hàng JPMorgan Chase, chương trình cho vay khẩn cấp của Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) có thể bơm tới 2.000 tỷ USD thanh khoản vào hệ thống ngân hàng Mỹ, giúp giảm bớt tình trạng căng thẳng. Trong báo cáo gửi khách hàng mới đây, các chiến lược gia dẫn đầu bởi Nikolaos Panigirtzoglou (London) nhận định chương trình cho vay mới có tên gọi BTFP (Bank Term Funding Program) của Fed sẽ đem đến những tác động rất lớn. Nhiều khả năng các ngân hàng lớn nhất không cần sử dụng đến BTFP, nhưng chương trình này nếu được sử dụng tối đa có thể bơm thêm tới 2.000 tỷ USD vào hệ thống. Con số 2.000 tỷ USD tương đương với lượng trái phiếu mà các ngân hàng nằm ngoài top 5 lớn nhất ở Mỹ đang nắm giữ. BTFP ra đời sau vụ 3 định chế tài chính gồm SVB, Signature Bank và Silvergate Capital sụp đổ. Mục tiêu là ngăn chặn làn sóng bán tháo ồ ạt trái phiếu chính phủ để tìm kiếm nguồn vốn mới. Trong tuần này lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 2 năm đã giảm hơn 60 điểm cơ bản do đồn đoán Fed sẽ không tăng lãi suất trong cuộc họp tuần tới để ổn định hệ thống ngân hàng.

Credit Suisse sẽ vay 54 tỷ USD từ NHTW Thụy Sĩ

Quyết định trên được đưa ra ngay sau khi cổ phiếu Credit Suisse rớt mạnh trong ngày 15/03, chạm mức thấp kỷ lục trong 2 ngày liên tiếp. Trước đó, nhà đầu tư lớn nhất của Credit Suisse, Ngân hàng Quốc gia Ả-rập Xê-út cho biết sẽ không hỗ trợ tài chính thêm cho Credit Suisse. Động thái vay vốn của NHTW Thụy Sĩ sẽ "hỗ trợ các mảng kinh doanh cốt lõi và khách hàng của Credit Suisse trong quá trình cải tổ thành một ngân hàng đơn giản hơn và tập trung hơn xoay quanh nhu cầu khách hàng", Credit Suisse cho biết trong một tuyên bố. Bên cạnh đó, Credit Suisse còn đưa ra đề nghị đấu thầu bằng tiền mặt đối với 10 chứng khoán nợ cao cấp định danh bằng USD với tổng giá trị 2.5 tỷ USD và một đề nghị đấu thầu khác với 4 chứng khoán nợ cao cấp định danh bằng Euro với tổng giá trị 500 triệu Euro, Credit Suisse cho biết. "Các biện pháp này cho thấy sự quyết liệt trong việc củng cố cho Credit Suisse trong quá trình chuyển đổi chiến lược", CEO Credit Suisse Ulrich Koerner cho biết.

Fubon ETF chính thức giải ngân 8 triệu USD đầu tiên mua cổ phiếu Việt Nam

Theo số liệu từ Fubon, trong ngày 15/3, lượng ccq của Fubon FTSE Vietnam ETF đã tăng thêm 21,5 triệu đơn vị, đồng nghĩa việc quỹ đã mua vào khoảng 241 triệu TWD (~8 triệu USD) cổ phiếu Việt Nam. Đây là khoản giải ngân đầu tiên trong đợt huy động bổ sung lần 5 với số tiền 5 tỷ TWD (~160 triệu USD). Ước tính với tốc độ như hiện tại, Fubon ETF sẽ giải ngân hết số vốn huy động đợt 5 trong khoảng 20 phiên. Động thái giải ngân của Fubon ETF được kỳ vọng sẽ tiếp tục nối dài chuỗi mua ròng của khối ngoại trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đến hết phiên 15/3, nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng 7 phiên liên tiếp trên HoSE với tổng giá trị hơn 2.500 tỷ đồng. Dù vậy, tính chung trong một tháng trở lại đây, nhà đầu tư nước ngoài vẫn bán ròng gần 800 tỷ đồng.

POW: Lợi nhuận tăng thêm gần 230 tỷ sau kiểm toán

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power, mã chứng khoán: POW) công bố báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022. Đáng chú ý, doanh thu điều chỉnh giảm hơn 10 tỷ đồng trong khi tổng chi phí điều chỉnh giảm hơn 255 tỷ đồng. Điều này dẫn tới lợi nhuận trước thuế điều chỉnh tăng thêm 245 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế điều chỉnh tăng thêm 230 tỷ đồng sau kiểm toán. PV Power cho biết nguyên nhân có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán chủ yếu là do thay đổi về lợi nhuận của CTCP Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2). Trước đó CTCP Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 công bố đính chính báo cáo tài chính quý 4/2022 với điều chỉnh lợi nhuận sau thuế sau kiểm toán tăng gấp 27 lần lên 160 tỷ đồng nhờ giảm 198 tỷ đồng khoản mục trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Ngoài ra, lợi nhuận sau thuế công ty mẹ và các công ty con sau kiểm toán và các điều chỉnh hợp nhất làm tăng 765 tỷ đồng LNST báo cáo hợp nhất so với trước kiểm toán.

REE: đặt mục tiêu lợi nhuận ròng 2023 lập đỉnh mới

Mảng năng lượng vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 1.351 tỷ đồng, tuy nhiên con số này giảm 19% do REE lo ngại về điều kiện thủy văn bất lợi. CTCP Cơ Điện Lạnh (mã REE) đã công bố báo cáo thường niên 2022. Đáng chú ý, doanh nghiệp đặt mục tiêu doanh thu năm 2023 đạt 10.962 tỷ đồng, tương ứng tăng 17% so với năm 2022. Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ kỳ vọng đạt 2.700 đồng, tăng nhẹ 0,3% so với cùng kỳ. Mảng năng lượng tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất với doanh thu dự kiến đạt 5.198 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1.351 tỷ đồng, lần lượt giảm 3% và 19% so với thực hiện trong năm trước. Việc đề xuất một kế hoạch kinh doanh thận trọng đối với mảng năng lượng do REE đánh giá bối cảnh tiềm ẩn những khó khăn về vĩ mô và địa chính trị dự kiến sẽ tiếp tục kéo dài, các điều kiện thủy văn được dự báo sẽ trở nên bất lợi hơn và tỷ trọng alpha được điều chỉnh lên mức 95% - 100%. Hiện REE đã sở hữu danh mục tài sản mà các nhà máy thủy điện chiếm hơn 50% tổng công suất lắp đặt. Ngoài ra, khung giá phát điện cho các dự án năng lượng tái tạo chuyển tiếp có hiệu lực từ ngày 7/1/2023 là một tín hiệu tích cực cho thị trường, song mức giá thấp hơn rất nhiều so với kỳ vọng, đặt ra rất nhiều thử thách cho các dự án điện năng lượng tái tạo nhằm đạt được mức sinh lời kỳ vọng và do vậy có thể sẽ khiến tốc độ phát triển các dự án mới chững lại.

NT2: tạm ứng cổ tức lần 1/2022, tỷ lệ 10% sau khi đính chính lợi nhuận tăng gấp 28 lần

Cụ thể, NT2 sẽ trả cổ tức bằng tiền, tỷ lệ 10% (tương ứng 01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng). Thời gian thanh toán vào ngày 31/12. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 24/03. Như vậy, với hơn hơn 287,8 cổ phiếu đang lưu hành, NT2 sẽ cần chi tương đương 287,8 tỷ đồng để trả cổ tức đợt này cho cổ đông. Công ty cho biết nguồn thực hiện chi trả từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 của Công ty. Do đang sở hữu hơn 59,3% vốn góp tại NT2 nên dự kiến công ty mẹ PV Power (POW) sẽ thu về khoảng 171 tỷ đồng cổ tức từ NT2. Năm 2022, Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã thông qua kế hoạch chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 15%. Như vậy, Công ty vẫn còn khoảng 144 tỷ đồng cổ tức cần chi trả. Vào ngày 17/3 tới đây, NT2 sẽ chốt quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 được tổ chức tại TP. HCM vào ngày 19/04 với nhiều nội dung quan trọng. Trước đó, NT2 công bố đính chính lại một vài chỉ tiêu tài chính đã công bố trong BCTC quý IV/2022. Trong khi chỉ tiêu doanh thu và giá vốn không có biến động đáng kể thì chi phí quản lý doanh nghiệp

lại có thay đổi lớn. Cụ thể, Công ty đã hoàn nhập trích lập dự phòng chi phí quản lý doanh nghiệp với giá trị hơn 198,1 tỷ đồng giúp khoản mục này giảm từ 82,3 tỷ đồng, xuống còn âm 115,8 tỷ đồng.

BCH: đăng ký niêm yết 21,5 triệu cổ phiếu trên sàn HoSE

Ngày 13/3, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HoSE) nhận hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của CTCP Tập đoàn Dược Bảo Châu (mã BCH). Cụ thể, Tập đoàn Dược Bảo Châu đăng ký niêm yết 21,5 triệu cổ phiếu BCH trên sàn HoSE, tương ứng vốn điều lệ là 215 tỷ đồng. Được biết, Tập đoàn Dược Bảo Châu có địa chỉ tại tổ 12, thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, đại diện pháp luật là bà Nguyễn Lan Hương và hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thuốc các loại - sản xuất hoá dược và dược liệu. Theo giới thiệu từ Công ty, công ty được thành lập ngày 10/12/2014, tiền thân là CTCP XNK Dược Bảo Châu với gần 200 nhân viên, hơn 100 nhà phân phối lớn tại các tỉnh thành trên toàn quốc.

DGC: Dragon Capital mua vào 400.000 cổ phiếu Hóa chất Đức Giang.

Ngày 4/3, Hóa chất Đức Giang công bố tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, đại hội dự kiến tổ chức ngày 29/3 tại TP. Hồ Chí Minh. Trong đó, Công ty trình cổ đông kế hoạch kinh doanh với doanh thu 10.875 tỷ đồng, giảm 24,7% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế dự kiến chỉ là 3.000 tỷ đồng, giảm 50,3% so với thực hiện trong năm 2022. Xét về cơ cấu doanh thu dự kiến năm 2023, Hóa chất Đức Giang dự kiến doanh thu photpho vàng (P4) dự kiến 4.608 tỷ đồng, chiếm 42,4% tổng doanh thu; doanh thu Axit photphoric thực phẩm 85% dự kiến ghi nhận 2.184 tỷ đồng, chiếm 20,1% tổng doanh thu; doanh thu Axit photphoric trích ly – WPA 50% dự kiến 1.170 tỷ đồng, chiếm 10,8% tổng doanh thu; doanh thu phân DAP dự kiến 750 tỷ đồng, chiếm 6,9% tổng doanh thu; và đóng góp các dòng sản phẩm khác là 19,9% tổng doanh thu.

DAG đặt kế hoạch lãi trước thuế 22 tỷ năm 2023

DAG đặt mục tiêu doanh thu thuần hợp nhất năm 2023 đạt 2,248 tỷ đồng, tăng không đáng kể so với mức 2,244 tỷ đồng năm 2022. Mục tiêu lãi trước thuế 22 tỷ đồng, tăng 55% so với năm trước. Ngoài ra, HĐQT DAG đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho chủ nợ để hoán đổi nợ trong năm 2023, nhằm thực hiện kế hoạch tái cơ cấu tài chính và theo đề nghị của bên cho vay. Cụ thể, theo BCTC kiểm toán năm 2022, DAG có các khoản nợ phát sinh (lãi suất 0%) theo các hợp đồng vay đối với các cá nhân là ông Phạm Ngọc Hình - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty và ông Nguyễn Bá Hùng. Dư nợ của các khoản vay này tại thời điểm 31/12/2022 là 212 tỷ đồng.

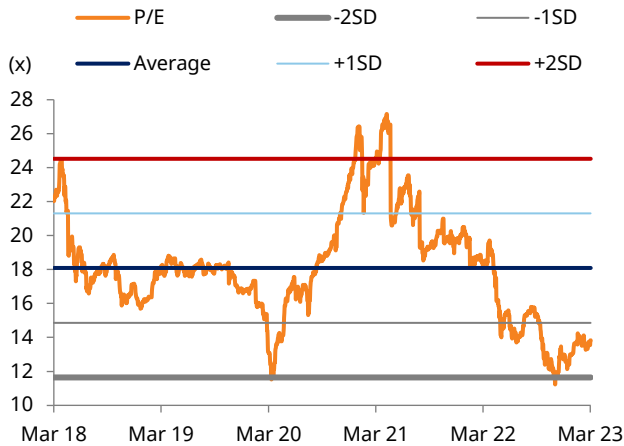
PHR dự báo lãi sau thuế 2023 giảm 36%

HĐQT PHR kỳ vọng tổng doanh thu công ty mẹ năm 2023 sẽ đạt hơn 1,813 tỷ đồng, giảm gần 17% so với thực hiện năm 2022. Trong đó, doanh thu từ kinh doanh cao su dự kiến ghi nhận 1,302 tỷ đồng, chiếm gần 72% tổng doanh thu. Về lợi nhuận, PHR đặt mục tiêu lãi trước và sau thuế công ty mẹ đạt lần lượt 549 tỷ đồng và 488 tỷ đồng, giảm hơn 40% và 36% so với năm trước. Mặt khác, Công ty vẫn lên kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền đối với phần lợi nhuận 2023 với tỷ lệ 30%. Động thái đặt

mục tiêu doanh thu và lợi nhuận đi lùi trong năm 2023 của PHR đáng chú ý khi chỉ tiêu sản lượng cao su tiêu thụ tăng hơn 4% (lên 34,300 tấn mù quy khô), còn sản lượng cao su chế biến gần như đi ngang (ở mức 21,200 tấn mù). Mặt khác, PHR dự báo giá bán bình quân sẽ giảm nhẹ hơn 2% so với năm 2022, còn gần 38 triệu đồng/tấn. Bên cạnh kế hoạch năm, PHR còn đề ra mục tiêu quý 1/2023. Cụ thể, Công ty đặt mục tiêu tổng doanh thu công ty mẹ đạt 434 tỷ đồng và lãi trước thuế 208 tỷ đồng, tương đương 24% và 38% kế hoạch năm, tăng 43% về doanh thu nhưng giảm gần 31% về lợi nhuận nếu so với cùng kỳ. Ngoài các chỉ tiêu cho công ty mẹ và hoạt động kinh doanh cao su, PHR cũng đặt mục tiêu cho các công ty con thuộc nhiều lĩnh vực kinh doanh khác như kinh doanh gỗ, cho thuê KCN, kinh doanh nội thất,...

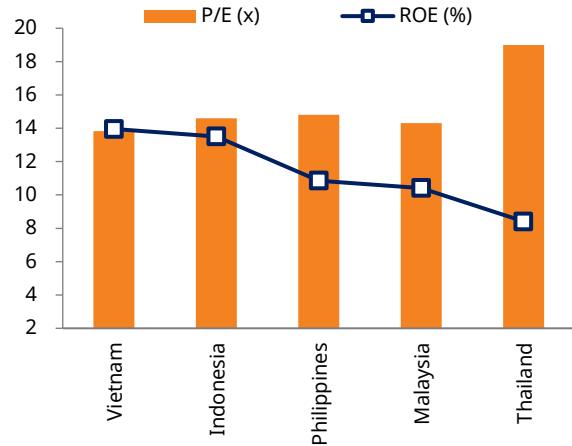
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



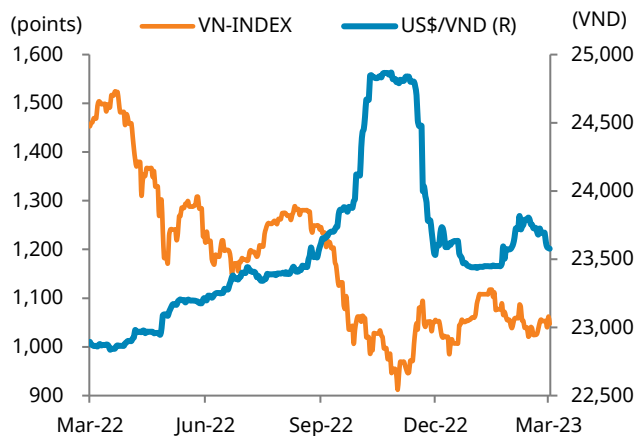
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



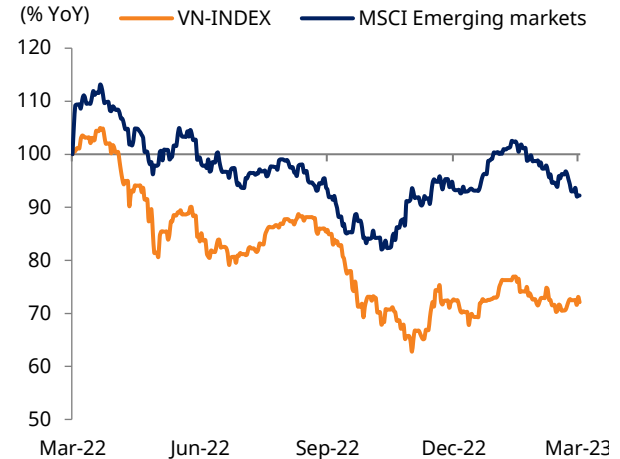
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



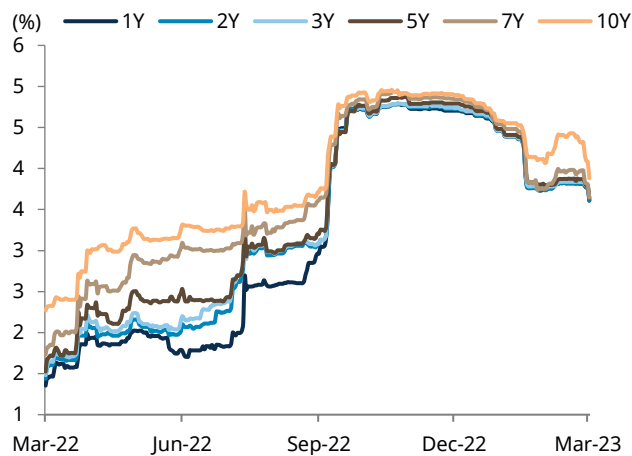
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



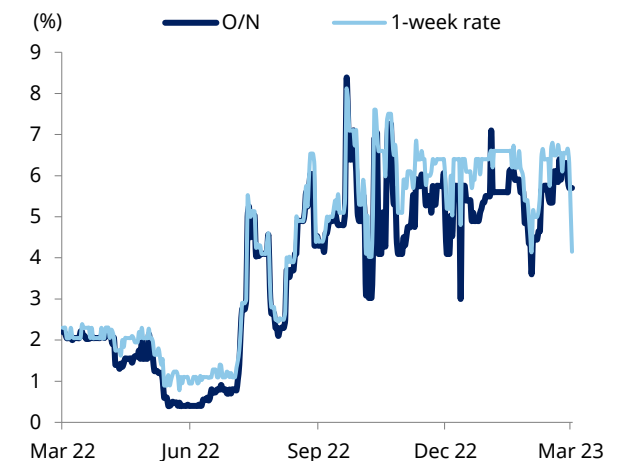
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa (VND bn)	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Sở hữu khối ngoại	
			Đóng cửa	52W cao	52W thấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE (%)	Gần nhất (%)	Còn lại (%)
VN-Index		4,237,631	1,047.40	1,524.92	1,502.35	-1.4	-0.8	-1.0	-28.2	13.8	1.7	14.0		
VN30 Index		3,112,934	1,046.99	1,566.09	1,541.96	-1.6	-0.3	-0.8	-28.9	11.2	1.6	16.5		
Asia Commercial JS Bank	ACB VN	82,409	24,400	27,320	26,880	-1.6	-3.7	-1.6	-7.0	6.0	1.4	26.5	30.0	0.0
BIDV	BID VN	233,957	46,250	48,000	47,050	-1.2	-2.9	2.8	11.2	12.9	2.4	19.9	17.3	12.7
VietinBank	CTG VN	139,126	28,950	33,000	32,550	-1.9	-1.5	-2.5	-9.5	8.2	1.3	16.9	28.1	1.9
HDBank	HDB VN	44,897	17,850	23,600	23,120	-3.5	-3.5	-3.5	-17.8	5.8	1.2	23.5	18.9	1.2
MBBank	MBB VN	79,118	17,450	28,667	27,917	-2.0	-2.0	-4.4	-34.8	4.5	1.0	25.8	23.2	0.0
Sacombank	STB VN	46,376	24,600	34,050	33,600	-3.0	-7.2	2.9	-25.2	9.2	1.2	13.8	29.2	0.8
Techcombank	TCB VN	94,086	26,750	50,300	49,300	-1.7	-3.8	-4.1	-45.5	4.7	0.8	19.7	22.5	0.0
Tien Phong Bank	TPB VN	38,990	24,650	41,700	40,700	0.0	0.6	2.7	-38.0	6.2	1.2	21.5	30.0	0.0
Vietcombank	VCB VN	430,659	91,000	96,000	93,000	-0.4	-2.2	-1.5	10.3	14.4	3.1	24.2	23.6	6.4
Vietnam International CJS Bank	VIB VN	44,050	20,900	35,704	34,593	-2.3	-1.4	0.0	-35.9	5.2	1.3	29.4	20.5	0.0
VPBank	VPB VN	130,572	19,450	27,367	26,533	-1.8	6.9	11.1	-20.7	7.1	1.3	20.7	17.6	0.1
SSI Securities Corp	SSI VN	30,208	20,150	42,624	41,402	-1.0	1.8	3.3	-51.1	13.8	1.3	9.3	43.8	55.6
Bao Viet Holdings	BVH VN	36,077	48,600	68,400	64,400	-1.4	-1.7	-3.0	-13.5	23.6	1.8	7.4	27.3	21.7
BECAMEX IDC Corp	BCM VN	85,077	82,200	97,900	94,200	-1.2	-2.1	-3.3	11.1	62.9	5.0	9.9	2.8	46.2
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	21,744	11,150	87,800	84,200	-1.8	1.8	-3.0	-85.6	9.6	0.6	6.2	5.3	43.7
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	8,194	12,200	68,892	67,205	-0.4	1.7	10.9	-80.6	7.0	1.0	15.1	3.9	45.1
Vinhomes JSC	VHM VN	193,769	44,500	77,000	75,600	-3.3	5.0	4.7	-40.0	6.8	1.3	21.3	24.0	26.0
Vingroup JSC	VIC VN	203,283	53,300	82,300	81,100	-1.3	0.6	-0.2	-31.8	23.7	1.8	8.0	12.8	36.0
Vincom Retail JSC	VRE VN	65,784	28,950	33,800	32,750	1.6	7.2	1.9	-8.8	23.7	2.0	8.7	32.7	17.6
Mobile World Investment Corp	MWG VN	57,657	39,400	81,400	77,600	-1.5	-1.5	-9.0	-40.0	13.9	2.4	18.5	49.0	0.0
Masan Group Corp	MSN VN	119,308	83,800	129,167	125,833	-1.1	3.7	-9.8	-28.4	33.3	4.6	12.1	30.6	18.4
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	122,485	191,000	199,000	192,000	0.8	2.4	0.7	24.0	23.9	5.3	23.6	62.7	37.3
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	159,673	76,400	84,000	81,600	-0.9	-0.1	-0.1	-1.2	21.0	5.3	24.1	55.9	44.1
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	46,186	36,350	57,400	55,900	-3.5	-6.8	-6.8	-35.3	31.4	1.9	6.0	18.1	2.2
Vietnam Rubber Group	GVR VN	59,400	14,850	37,800	36,300	-2.3	-2.0	0.7	-55.9	15.5	1.2	7.9	0.5	12.5
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	121,238	20,850	36,615	35,808	-2.1	-1.7	-2.1	-41.3	14.3	1.3	9.1	23.5	25.5
FPT Corp	FPT VN	86,885	79,200	99,083	96,000	-1.6	-1.7	-2.9	3.8	16.3	4.1	27.2	49.0	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	55,244	102,000	147,000	144,000	-2.8	0.2	-0.8	-30.6	N/A	3.9	-14.0	17.3	12.7
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	200,199	104,600	131,900	127,200	-2.2	-2.1	-3.1	-4.2	13.6	3.3	26.7	3.0	46.0
PetroVietnam Power Corp	POW VN	31,030	13,250	17,100	16,750	-1.9	1.9	7.3	-18.7	15.0	1.0	7.0	7.0	42.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vì phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.